

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-PT  
Ngày 23 - 4 - 2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Thẩm phán: Bà Tông Thị Hiền, ông Đỗ Tuấn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2024/DS-PT ngày 16 tháng 02 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/TCDS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/QĐPT-DS ngày 04/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K. Địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Mạnh H. Địa chỉ: Tổ E, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Hải Y. Địa chỉ: Số nhà A, đường L, Tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị H1. Địa chỉ: Tầng C, số B phố H, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Hải Y: Ông Bùi Việt A - Luật sư thuộc Công ty L1; Địa chỉ: Tầng C, số B phố H, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Vũ Tiến D, bà Bùi Thị Hà T. Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị P. Địa chỉ: Tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Ông Vũ Đức T1 - Văn phòng L2. Địa chỉ: Tổ C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người làm chứng:

+ Chị Bùi Thị B; Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T2, bà Đỗ Thị N; Địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Hải Y.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

\* Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Ngày 25/12/2020, bà Nguyễn Hải Y nguyên là Trưởng phòng khách hàng cá nhân của Ngân hàng M Chi nhánh S đã đến nhà bà Nguyễn Thị K hỏi vay số tiền 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) với mục đích để đảo nợ cho khách hàng là bà Nguyễn Thị P, thời gian vay là 07 ngày kể từ ngày vay tiền, lãi suất theo thỏa thuận. Do bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Hải Y có mối quan hệ quen biết với nhau và đã có nhiều lần giao dịch vay mượn tiền để đảo nợ cho khách hàng nên bà K đã đồng ý cho bà Y vay tiền. Để đảm bảo cho khoản vay bà Y đã đưa cho bà K 04 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của bà Y và bố mẹ bà Y gồm:

- Bản photo một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 144224 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 17/01/2020 mang tên Nguyễn Hải Y, Nguyễn Đức T3.

- Bản photo một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 144170 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 17/01/2020 mang tên Nguyễn Hải Y, Nguyễn Đức T3.

- Bản photo một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 144157 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 27/12/2019 mang tên Nguyễn Đức V, Bùi Thị H2.

- Bản photo một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 302718 do Ủy ban nhân dân thị xã S cấp ngày 09/12/2004 mang tên Bùi Thị H2.

Sau khi bàn bạc, thống nhất cùng ngày hôm đó, bà K giao cho bà Bùi Thị B (là kế toán của bà K) chuyển tiền vào tài khoản 5585598888 Ngân hàng S1 Chi nhánh S của bà Nguyễn Hải Y hai lần, lần thứ nhất là 2.290.000.000 (Hai tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng); lần thứ hai là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), cũng cùng ngày bà K giao cho Nguyễn Văn T2 (là con trai của bà K) chuyển vào tài khoản số 5585598888 Ngân hàng MB của bà Nguyễn Hải Y ba

lần, mỗi lần chuyển 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Tổng cộng số tiền bà **K** đã năm lần chuyển khoản cho bà **Y** là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng).

Sau khi nhận đủ tiền ngày 26/12/2020 bà **K** và bà **Nguyễn Hải Y** mới viết giấy vay tiền, giấy vay tiền là do bà **Nguyễn Hải Y** viết có sự chứng kiến của bà **Bùi Thị B** (là kế toán của bà **K**), khi đó bà **Y** nói chỉ cần số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) nên bà **Y** đã trả lại cho bà **K** 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) bằng tiền mặt. Hợp đồng vay tiền có sửa chữa về thời gian là do hai bên chưa thống nhất về ngày vay tiền, bà **Y** là người viết và sửa. Quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận là 07 ngày bà **K** yêu cầu bà **Y** trả cho bà **K** số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) bà **Y** đã vay của bà **K** để đảo nợ cho khách hàng nhưng bà **Y** không trả đồng thời lần tránh không gặp bà **K**. Đến nay bà **K** giữ nguyên yêu cầu bà **Y** phải có trách nhiệm trả cho bà **K** số tiền gốc vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/10/2023, bà **Nguyễn Thị K** rút yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất trong Hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2020 giữa bà và bà **Nguyễn Hải Y**. Tại phiên tòa sơ thẩm bà **K** không yêu cầu bà **Y** phải trả lãi suất đối với khoản tiền vay 3.0000.000.000đ

*Bị đơn bà **Nguyễn Hải Y** trình bày:*

Giữa bà **Nguyễn Thị K** và bà **Y** có mối quan hệ quen biết với nhau và đã có nhiều lần giao dịch vay mượn tiền lẫn nhau do bà **K** kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Tuy nhiên các lần giao dịch vay mượn tiền giữa hai bên đều đã được thanh toán xong, hiện nay bà **Y** xác định không còn nợ bà **K** bất kỳ khoản tiền nào.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà **K** yêu cầu Tòa án buộc bà **Y** phải trả cho bà **K** số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) theo Hợp đồng cho vay tiền mặt đề ngày 26/12/2020, bà **Y** không nhất trí vì thực tế không có hợp đồng vay tiền mặt nào ngày 26/12/2020 giữa bà **K** và bà **Y**. Hợp đồng vay tiền mặt đề ngày 26/12/2020 do bà **K** giao nộp và được xem là căn cứ xác định bà **Y** vay tiền của bà **K** là tài liệu giả mạo (Đã được cơ quan có thẩm quyền giám định và kết luận bị sửa chữa, thêm bớt nội dung).

Đối với khoản tiền 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) của ngày 25/12/2020 là khoản tiền vay giữa bà **Nguyễn Thị K** và bà **Nguyễn Thị P**, ông **Nguyễn Thắng L**. Ngày 25/12/2020, bà **Nguyễn Thị P**, ông **Nguyễn Thắng L** có vay của bà **Nguyễn Thị K** một khoản tiền là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng). Khi vay tiền các bên có lập hợp đồng cho vay tiền mặt, thỏa thuận thời hạn vay là 38 ngày, lãi suất 3%/ tháng; do có mối quan hệ quen biết và vay mượn lẫn nhau từ trước nên các bên nhờ bà **Nguyễn Hải Y** đứng ra làm chứng và ký vào hợp đồng vay tiền với tư cách là người làm chứng. Sau khi ký hợp đồng cho vay tiền, bà **K** đã chuyển toàn bộ số tiền cho bà **P**, ông **L** vay vào

tài khoản của bà Y để bà Y giao lại số tiền trên cho bà P, ông L.

Do trước đó vào ngày 01/11/2020, bà P có vay của bà Y số tiền là 8.875.000.000 đồng (Tám tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng) để mua đất và nộp tiền thuế đất tại phường C, thành phố S nên sau khi được bà K cho vay tiền bà P đã thống nhất với bà Y về việc sử dụng khoản tiền 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) của bà K như sau: Bà P trả cho bà Y một phần gốc vay của bà Y là 2.263.000.000 (Hai tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu đồng) và toàn bộ số tiền lãi của khoản vay 8.875.000.000 đồng (Tám tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng) tính đến ngày 31/12/2020 là 237.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu đồng). Tổng số tiền bà P đã thanh toán cho bà Y cho khoản vay này là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng). Theo thỏa thuận giữa bà K và bà P, bà Y đã giữ lại 121.600.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) là tiền lãi bà P phải trả cho bà K. Ngày 01/02/2021, bà Y đã nhờ bạn là Đào Thu H3 chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Tiến Đ là tài khoản do bà K chỉ định số tiền 121.600.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền còn lại là 578.400.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) đã được bà Y chuyển vào tài khoản của ông L (con rể bà P) vào các ngày 25, 26/12/2020, nhưng thực tế số tiền bà Y chuyển khoản cho ông L là 579.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2021 của bà Nguyễn Thị K, để đảm bảo cho khoản tiền vay 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) bà Y có cầm cố cho bà K 04 quyền sử dụng đất photo thuộc sở hữu của bà Y và bố mẹ bà Y gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 144224 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 17/01/2020 mang tên Nguyễn Hải Y, Nguyễn Đức T3; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 144170 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 17/01/2020 mang tên Nguyễn Hải Y, Nguyễn Đức T3; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 144157 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 27/12/2019 mang tên Nguyễn Đức V, Bùi Thị H2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 302718 do Ủy ban nhân dân thị xã S cấp ngày 09/12/2004 mang tên Bùi Thị H2; thực tế bà Y không cầm cố, thế chấp tài sản nào của mình cho bà K để đảm bảo cho bất kỳ khoản vay nào như bà K trình bày, ngoài tài liệu là hợp đồng cho vay tiền mặt ngày 26/12/2020 thể hiện nội dung thế chấp quyền sử dụng đất được xác định là có sự sửa chữa, thêm bớt nội dung thì bà K không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà Y đã thế chấp các thửa đất như bà K đã trình bày.

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình bà Y và gia đình ông Vũ Tiến D đối với hai thửa đất số LK 02-33, tờ bản đồ số BĐQH tại địa chỉ khu dân cư S, tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất mang tên

Nguyễn Hải Y và Nguyễn Đức T3, số CN 144170, số vào sổ cấp GCN 00012, Quyết định số 84/QĐ-VPĐKĐĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 17/01/2020 và thửa đất số LK 02-34, tờ bản đồ số BĐQH tại địa chỉ khu dân cư S, tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất mang tên Nguyễn Hải Y và Nguyễn Đức T3, số CN 144224, số vào sổ cấp GCN 00011, Quyết định số 84/QĐ-VPĐKĐĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 17/01/2020 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên đã được công chứng, chứng thực theo đúng quy định của pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên đề nghị Tòa án xác định tài sản này không liên quan đến việc giải quyết vụ án để gia đình ông Vũ Tiến D làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Tiến D trình bày:*

Ngày 30/6/2021, tại Văn phòng C - Địa chỉ: số nhà B, đường L, tổ A, phường C, thành phố S, ông và vợ là bà Bùi Thị Hà T đã cùng với vợ chồng bà Nguyễn Hải Y, ông Nguyễn Đức T3 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất gồm: Thửa thứ nhất: diện tích đất chuyển nhượng là 85,0m<sup>2</sup>; Loại đất: Đất ở tại đô thị; Thửa đất số LK 02-33; Tờ bản đồ số: BĐQH, địa chỉ thửa đất: tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà Nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 144170, số vào sổ cấp GCN: CS00012/QSĐĐ Quyết định số 84/QĐ-VPĐKĐĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 17/01/2020; Tài sản gắn liền với đất: không có tài sản trên đất và thửa thứ hai: diện tích đất chuyển nhượng là 85,0m<sup>2</sup>; Loại đất: Đất ở tại đô thị; Thửa đất số LK 02-34; Tờ bản đồ số: BĐQH, địa chỉ thửa đất: tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà Nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 144224, số vào sổ cấp GCN: CS00011/QSĐĐ Quyết định số 84/QĐ-VPĐKĐĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 17/01/2020; Tài sản gắn liền với đất: không có tài sản trên đất; Giá chuyển nhượng thực tế là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng)/ một thửa, tổng giá trị chuyển nhượng của cả hai thửa đất là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), do hai thửa đất trên bà Nguyễn Hải Y và ông Nguyễn Đức T3 đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q để vay tiền nên vợ chồng ông D đã cùng bà Y, ông T3 mang tiền ra Ngân hàng trả tiền để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, ngày 11/6/2021 bà Y đã đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 02/02/2020 số 807,

quyền 01. Sau khi bà Y xóa xong thế chấp ông bà mới ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi ông D mang hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký với bà Y, ông T3 đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thì nhận được thông báo hai diện tích ông D nhận chuyển nhượng của bà Y, ông T3 đang được cầm cố cho bà Nguyễn Thị K để vay tiền và vụ việc hiện đang được Tòa án thụ lý, giải quyết. Ông D cam đoan việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông với bà Y, ông T3 là hoàn toàn ngay tình và tuân thủ các quy định của Nhà N1, trước khi làm thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông hai thửa đất trên bà Y, ông T3 đang thế chấp cho Ngân hàng Q chi nhánh S để vay tiền, đến hạn trả nợ bà Y, ông T3 không có khả năng trả nợ Ngân hàng sẽ phát mại tài sản nên bà Y, ông T3 đã đặt vấn đề chuyển nhượng hai thửa đất trên cho vợ chồng ông để lấy tiền nộp vào Ngân hàng. Vợ chồng ông không biết việc bà Y vay tiền của bà K bao nhiêu, vay từ bao giờ, vay như thế nào và cầm cố những tài sản gì. Ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông và bà Y, ông T3 có hiệu lực pháp luật, đảm bảo quyền lợi của ông.

Bà Bùi Thị Hà T nhất trí với lời khai và yêu cầu của ông Vũ Tiến D (là chồng bà), bà không có ý kiến bổ sung. Do công việc bà không tham gia tố tụng tại Tòa án được, bà ủy quyền cho chồng bà là ông Vũ Tiến D tham gia tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa án và Thi hành án.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Việc bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Hải Y phải trả số tiền vay 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) theo Hợp đồng vay tiền mặt ngày 26/12/2020 bà P không liên quan. Bà Y cho rằng số tiền 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) mà bà K chuyển khoản cho bà Y thực tế là bà P vay của bà K, bà Y chỉ làm chứng, số tiền bà K chuyển cho bà Y, bà Y đã chuyển cho bà P là không đúng. Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện là bà K cho bà Y vay tiền, giao dịch chuyển tiền là bà K chuyển cho bà Y và bà K chỉ khởi kiện bà Y có trách nhiệm trả nợ chứ không phải bà.

Quá trình giải quyết vụ án: Ngày 26/10/2023 bà Nguyễn Thị K rút yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất trong Hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2020 giữa bà và bà Nguyễn Hải Y. Tại phiên tòa sơ thẩm bà K không yêu cầu bà Y phải trả lãi suất đối với khoản tiền vay 3.0000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

Ngày 22/11/2023, ông Vũ Tiến D, bà Bùi Thị Hà T đã có đơn đề nghị rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hai thửa đất gồm: Thửa đất số LK 02-33; Tờ bản đồ số: BĐQH, địa chỉ thửa đất: tổ A, phường Q, thành phố S,

tỉnh Sơn La đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 144170, số vào sổ cấp GCN: CS00012/QSDĐ theo Quyết định số 84/QĐ-VPĐKĐĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La cấp ngày 17/01/2020 và Thửa đất số LK 02-34; Tờ bản đồ số: BĐQH, địa chỉ thửa đất: tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 144224, số vào sổ cấp GCN: CS00011/QSDĐ theo Quyết định số 84/QĐ-VPĐKĐĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La cấp ngày 17/01/2020.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/TCDS-ST ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã xét xử và quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu khởi kiện đối với tài sản bảo đảm là 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nguyên đơn đã rút yêu cầu.

2. Buộc bà Nguyễn Hải Y phải trả cho bà Nguyễn Thị K toàn bộ số tiền nợ là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) theo Hợp đồng cho vay tiền mặt ngày 26 tháng 12 năm 2020 giữa bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Hải Y.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/01/2024 bị đơn bà Nguyễn Hải Y có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng. Cụ thể: Tòa án sơ thẩm giải quyết nội dung vụ án căn cứ vào tài liệu giả mạo là Hợp đồng cho vay tiền mặt ngày 26/10/2020, hợp đồng bị tẩy xóa, sửa chữa nhưng vẫn được sử dụng là chứng cứ để giải quyết. Việc triệu tập đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không đảm bảo, triệu tập thời gian rất ngắn dù đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã có ý kiến xin hoãn tuy nhiên không được xem xét dẫn đến việc giải quyết vắng mặt, không đảm bảo được việc bảo

vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại cấp sơ thẩm. Việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Toàn bộ số tiền 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) bà Y nhận chuyển khoản của bà K, bà Y đã trình bày rõ việc chuyển số tiền này cho bà P, ông L, một phần chuyển cho bà K và trừ số tiền bà P còn nợ bà Y tuy nhiên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét. Bà Y khẳng định không vay số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) của bà K, lời khai của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có nhiều điểm mâu thuẫn. Do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, không nhất trí Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La tuyên buộc bà Y phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không nhất trí các nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P: Bà P không liên quan đến việc vay nợ giữa bà K và bà Y. Không có việc bà Y chuyển số tiền vay của bà K cho bà P. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu phản tố. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong qua trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/TCDS-ST ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Hải Y phải thanh toán số tiền vay 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) theo Hợp đồng vay tiền mặt ngày 26/12/2020 đã ký kết giữa hai bên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, đúng quy định.



Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Hải Y kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 273, Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người làm chứng bà Bùi Thị B, anh Nguyễn Văn T2, chị Đỗ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, ông Vũ Tiến D, bà Bùi Thị Hà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Về việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, việc triệu tập đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không đảm bảo. Căn cứ tài liệu trong hồ sơ xét thấy Tòa án sơ thẩm đã triệu tập, xét xử vắng mặt bị đơn, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là hợp lệ và đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2020 ký kết giữa bà K và bà Y, số tiền vay 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), thời hạn vay 07 ngày, hai bên không thỏa thuận lãi suất là chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị K cung cấp và các chứng từ của ngân hàng về việc chuyển khoản ngày 25/12/2020. Cụ thể bà Bùi Thị B (là kế toán của bà K) chuyển khoản 02 lần vào số tài khoản 5585598888 Ngân hàng S1 Chi nhánh S của bà Nguyễn Hải Y, lần thứ nhất là 2.290.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng), lần thứ hai là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tổng số tiền 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Ngày 26/12/2020, con trai bà K là Nguyễn Văn T2 chuyển khoản 03 lần vào số tài khoản 5585598888 Ngân hàng M Chi nhánh S của bà Nguyễn Hải Y, mỗi lần 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), tổng số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Tổng số tiền bà K đã chuyển cho bà Y là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng). Tuy nhiên do nhu cầu bà Y chỉ vay 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) nên bà Y đã giao lại số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và viết Hợp đồng vay số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) dưới sự chứng kiến của bà B, bà Y cũng thừa nhận có nhận số tiền này từ bà K thông qua chuyển khoản. Có đủ cơ sở khẳng định giữa bà K và bà Y có thỏa thuận vay và nhận tiền.

[3.3] Về hình thức, nội dung và tính hợp pháp của hợp đồng vay ngày 26/12/2020 giữa bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Hải Y là hợp đồng vay có xác định thời hạn, thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện giữa các bên. Nội dung của hợp đồng đã thể hiện rõ số tiền vay, thời hạn cho vay, do đó quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh khi ký kết hợp đồng. Sau khi ký kết hợp đồng bà K đã thực

hiện xong nghĩa vụ chuyển số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), được chứng minh bằng các chứng từ hợp lệ của các Ngân hàng S1, MB và bà Y cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền trên. Việc bà Y cho rằng số tiền bà K chuyển tiền vào số tài khoản của bà thực chất là cho bà P vay và số tiền trên đã được bà Y đối trừ vào khoản nợ giữa bà Y và bà P là không có căn cứ vì:

Mặc dù bà P là người ký tên trên Hợp đồng vay tiền mặt đề ngày 25/12/2020 nhưng bà P chưa nhận được bất cứ khoản tiền nào từ bà K, ông T2; toàn bộ số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) được bà K chuyển vào tài khoản của bà Y và bà Y là người trực tiếp sử dụng số tiền trên, do đó giữa bà K và bà P không phát sinh quyền và nghĩa vụ với nhau. Về việc đối trừ nợ giữa bà Y và bà P, bà K không biết, không đồng ý về việc đối trừ nợ. Ngoài lời khai, bà Y cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ khác về việc thỏa thuận đối trừ nợ giữa 3 bên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc bà Y vay số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) của bà K được xác lập tại Hợp đồng vay tiền đề ngày 26/12/2020 là một giao dịch độc lập, không liên quan đến bà P là có căn cứ. Trường hợp bà Y và bà P có tranh chấp với nhau về việc vay nợ thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về tính hợp pháp của hợp đồng: Bà Y cho rằng hợp đồng vay tiền mặt đề ngày 26/12/2020 mà bà K giao nộp là tài liệu giả mạo. Ngày 15/12/2021, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 404/2021/QĐ-TCGD Trưng cầu Phòng K1 - Công an tỉnh S thực hiện giám định đối với Hợp đồng vay tiền mặt đề ngày 26/12/2020 giữa bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Hải Y. Tại Kết luận giám định số 136 ngày 30/12/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh S kết luận về đối tượng giám định: 1. Không đủ cơ sở kết luận chữ số "2" trong cụm từ "ngày 26" và chữ số "2" trong cụm từ "tháng 12" tại dòng thứ 04 tính từ trên xuống trang 01, tại dòng thứ 32 tính từ trên xuống trang 02 trên mẫu cần giám định ký hiệu A có phải do cùng một người viết ra hay không. 2. Không đủ cơ sở kết luận chữ số "2" trong cụm từ "ngày 26" và chữ số "2" trong cụm từ "tháng 12" tại dòng thứ 4 tính từ trên xuống trang 01, tại dòng thứ 32 tính từ trên xuống trang 02 trên mẫu cần giám định ký hiệu A có được viết cùng thời điểm hay không; Chữ số "2" trong cụm từ "tháng 12" tính từ trên xuống trang 01, tại dòng thứ 32 tính từ trên xuống trang 02 trên mẫu cần giám định ký hiệu A đã bị tẩy xóa, sửa chữa; Chữ số nguyên thủy là chữ số "0". 3. Chữ viết có nội dung "1 Bìa AA302718 cấp ngày 09/10/2004 Bùi Thị H2. 1 Bìa CN 144244 cấp ngày 17/1/2020 mang tên Thuận Y1, 1 Bìa CN 144170 cấp ngày 17/1/2020 mang tên Thuận Y1, 1 Bìa CN 144157 cấp ngày 27/12/2019 mang tên Vinh Hương" trên mẫu cần giám định ký hiệu A có cụm từ "Thị" và "17/11/2020" được viết đè lên nét gạch chéo (/). 4. Chữ viết có nội dung "Nguyễn Thị K tạm trả". Ngày 21/3/2022, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung số

67/2022/QĐ-TCGD Trung cầu Phòng K1 - Công an tỉnh S thực hiện giám định bổ sung đối với Hợp đồng vay tiền mặt đề ngày 26/12/2020 giữa bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Hải Y. Theo kết quả giám định của Phòng K1 Công an tỉnh S thì Hợp đồng cho vay tiền mặt ngày 26/12/2020 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị K và bên vay bà Nguyễn Hải Y có sự sửa chữa, tẩy xóa; nội dung "1 Bìa AA302718 cấp ngày 09/10/2004 Bùi Thị H2. 1 Bìa CN 144244 cấp ngày 17/1/2020 mang tên Thuận Y1, 1 Bìa CN 144170 cấp ngày 17/1/2020 mang tên Thuận Y1, 1 Bìa CN 144157 cấp ngày 27/12/2019 mang tên Vinh Hương" trên mẫu cần giám định ký hiệu A có cụm từ "Thị" và "17/11/2020" được viết đè lên nét gạch chéo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà Y1 xác nhận bà Y1 có ký vào hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2020, còn việc sửa chữa Giấy vay tiền bà Y1 không nắm được. Xét thấy các bên thỏa thuận dùng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay trong hợp đồng bằng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phát sinh hiệu lực do giao dịch bảo đảm không thực hiện đúng theo quy định, đồng thời đây cũng không phải là điều khoản bắt buộc giữa các bên. Việc có sự sửa chữa hợp đồng tại phần biện pháp bảo đảm cũng như thời gian vay không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Nghĩa vụ trong hợp đồng vay giữa bà K và bà Y1 phát sinh trên cơ sở được xác nhận bằng các chữ ký của các bên trong hợp đồng vay, số tiền cho vay bà K đã chuyển khoản và số tiền vay bà Y1 đã nhận đủ.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Tiến D, bà Bùi Thị Hà T đã rút yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất trong Hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2020, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

#### [3.4] Về lãi suất chậm trả

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà K không yêu cầu bà Nguyễn Hải Y phải trả lãi suất phát sinh do chậm trả đối với số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đối với phần lãi là có căn cứ.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bà Y không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho các nội dung kháng cáo của mình. Từ những nhận định phân tích nêu trên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hải Y, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2023/TCDS-ST ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

[4] Về án phí án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Hải Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Hải Y**, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/TCDS-ST ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.*

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Nguyễn Hải Y** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000198 ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án (23/4/2024).

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân thành phố Sơn La;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đieu Thị Kim Liên**